

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DSST

Ngày: 18-5-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Hằng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Thạch.

2. Bà Võ Thị Trâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thế H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 1, đường Bời Lời, khu phố Ninh Thọ, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Kim M, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 46/5C, khu phố Hiệp Định, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số 14, hẻm 35, đường Phạm Thái Bường, khu phố Hiệp An, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đông B, sinh năm: 1950; địa chỉ: Số nhà 67/1B, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ KIẾN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2021 nguyên đơn ông Trần Thế H trình bày:

Ông là hàng xóm với ông Lê Đông B nên rất uy tín. Mỗi khi cần tiền là ông vay tiền của ông B. Anh C trước đây làm chung cơ quan với ông. Chị M, anh C đến nhà ông hỏi vay 03 lần tiền cụ thể như sau: Ngày 23/4/2018, chị M, anh C đến nhà ông hỏi vay 40.000.000 đồng; ngày 12/7/2018, chị M, anh C mượn tiếp ông 50.000.000 đồng; ngày 27/7/2018, chị M mượn tiếp ông 20.000.000 đồng. Tổng cộng chị M, anh C vay ông 110.000.000 đồng. Do ông không có tiền nên ông sang nhà ông B hỏi vay tiền. Khi ông vay tiền có viết giấy nợ với ông B. Chị M có viết giấy mượn tiền với ông, anh C bảo lãnh. Sau đó để giữ uy tín ông đã vay tiền con gái để trả tiền cho ông B. Ông B đã xé bỏ các giấy nợ giữa ông với ông B. Như vậy, hiện nay chị M, anh C còn nợ ông số tiền 110.000.000 đồng. Anh C chỉ là người ký bảo lãnh nhưng thực tế cả hai người cùng vay tiền. Tiền lãi thỏa thuận miệng là 6%/tháng. Ông đã nhận được 12.000.000 đồng tiền lãi. Ông yêu cầu Tòa án buộc chị M, anh C liên đới trả ông số tiền vốn vay 110.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 1,66%/ tháng từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm, không yêu cầu tính lãi quá hạn hay lãi chồng lãi. Số tiền này không liên quan đến ai khác trong gia đình ông hay gia đình chị M, anh C.

*- Quá trình tố tụng bị đơn chị Đỗ Thị Kim M trình bày:*

Anh C quen biết với ông H nên dẫn chị đến nhà ông H để vay tiền. Chị và anh C vay ông H 03 lần tiền tổng cộng là 110.000.000 đồng. Chị có viết giấy mượn tiền cho ông H và ký tên. Các lần chị đều nhận tiền từ ông H. Số tiền này là do ông H mượn của ông B. Chị xác định chị có vay ông H số tiền 110.000.000 đồng là có thật. Chị và anh C không vay tiền của ông B. Mục đích chị vay tiền cho anh C trả tiền vay xã hội đen. Lãi suất thỏa thuận miệng đã lâu chị không nhớ. Chị cũng đã trả lãi cho ông H nhưng không nhớ bao nhiêu vì không có giấy tờ. Mỗi lần anh C đưa tiền cho chị thì chị đi đóng lãi cho ông H. Chị đồng ý cùng anh C trả tiền vốn vay cho ông H và tiền lãi 1,66%/tháng từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

*- Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Ngọc C trình bày:*

Khoảng năm 2018, anh C, chị M có vay ông H số tiền 110.000.000 đồng. Số tiền nợ này anh và chị M chưa trả cho ông H. Anh đồng ý trả nợ cho ông H sau khi chấp hành án xong.

*- Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đông B trình bày:*

Ông có cho ông H vay số tiền 110.000.000 đồng. Ông H có viết giấy mượn tiền với ông. Ông H đã trả xong số tiền đó cho ông. Số tiền đó ông H cho ai vay ông không biết. Chị M, anh C không vay tiền của ông. Trong vụ kiện này ông không có tranh chấp gì cả. Ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện.

*Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề xuất hướng giải quyết: Căn cứ vào các Điều 463, 464, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với anh C, chị M. Buộc anh C, chị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vốn vay là 110.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/ tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Năm 2018, ông H cho chị M, anh C vay tiền. Có thỏa thuận thời hạn vay 01 tuần đến 01 tháng trả tiền. Sau đó, anh C, chị M bỏ trốn, ông H có thưa anh C, chị M tại Công an. Trong quá trình điều tra anh C, chị M cũng thừa nhận còn nợ ông H 110.000.000 đồng. Do đó, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H: Ông H yêu cầu chị M, anh C liên đới trả số tiền vốn vay 110.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ là các giấy mượn tiền đề ngày 23-4-2018; 12-7-2018 và 27-7-2018. Quá trình làm việc chị M, anh C cũng thừa nhận có nợ ông H số tiền 110.000.000 đồng, chưa trả khoản tiền vốn nào cả. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ.

[4] Về tiền lãi: Ông H xác định tiền lãi thỏa thuận 6%/tháng. Ông H đã nhận được 12.000.000 đồng tiền lãi, không có giấy tờ. Chị M xác định có thỏa thuận lãi nhưng không nhớ bao nhiêu. Chị cũng đã đóng lãi cho ông H và không nhớ đóng được bao nhiêu. Ông H, chị M thống nhất lãi suất yêu cầu Tòa án tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 1,66%/ tháng là có lợi cho bị đơn. Khấu trừ số tiền ông H đã nhận 12.000.000 đồng. Lãi suất tính như sau:

- Ngày 23-4-2018 cho đến nay 18-5-2022 là 48 tháng 25 ngày x 40.000.000 đồng x 1,66%/tháng là 32.425.000 đồng.

- Ngày 12-7-2018 cho đến nay 18-5-2022 là 46 tháng 06 ngày x 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng là 38.346.000 đồng.

- Ngày 27-7-2018 cho đến nay 18-5-2022 là 45 tháng 21 ngày x 20.000.000 đồng x 1,66%/tháng là 15.172.000 đồng.

Tổng cộng là 32.425.000 đồng + 38.346.000 đồng + 15.172.000 đồng là 85.943.000 đồng. Khấu trừ tiền lãi ông H đã nhận thì còn là 85.943.000 đồng – 12.000.000 đồng là 73.943.000 đồng. Buộc chị M, anh C trả lãi cho ông H 73.943.000 đồng tính đến ngày xét xử là có căn cứ.

[5] Các đương sự đều thống nhất ông H vay tiền ông B đã trả xong. Ông B không có tranh chấp trong vụ kiện này. Anh C, chị M vay tiền ông H nên có trách nhiệm trả tiền cho ông H là phù hợp.

[6] Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề xuất như trên là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên buộc chị M, anh C có nghĩa vụ trả cho ông H tiền vốn 110.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18-5-2022 là 73.943.000 đồng, tổng cộng là 183.943.000 đồng. Trong đó, trách nhiệm từng phần chị M trả ông H tiền vốn vay là 55.000.000 đồng, tiền lãi 36.971.500 đồng; Anh C có trách nhiệm trả cho ông H tiền vốn vay là 55.000.000 đồng, tiền lãi 36.971.500 đồng là phù hợp.

[8] Về án phí: Chị M, anh C mỗi người phải chịu 4.599.000 đồng án phí sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế Hiếu đối với chị Đỗ Thị Kim M, anh Nguyễn Ngọc C.

Buộc chị Đỗ Thị Kim M có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thế H số tiền 91.971.500 (chín mươi một triệu chín trăm bảy mươi một ngàn năm trăm) đồng. Trong đó, tiền vốn vay là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi tính đến ngày 18-5-2022 là 36.971.500 (ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi một ngàn năm trăm) đồng.

Buộc anh Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thế H số tiền 91.971.500 (chín mươi một triệu chín trăm bảy mươi một ngàn năm trăm) đồng. Trong đó, tiền vốn vay là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi tính đến

ngày 18-5-2022 là 36.971.500 (ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi một ngàn năm trăm) đồng.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày 19-5-2022 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Kim M, anh Nguyễn Ngọc C mỗi người phải chịu 4.599.000 (bốn triệu năm trăm chín mươi chín ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS. thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Dương Thị Bích Hằng**





